

Công ty cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội

Công viên Hồ Tây



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ GIẢI TRÍ HÀ NỘI

Số: 33/BC - HANOI / 2022

I. Thông tin chung

Thông tin khái quát

Tên giao dịch	: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ GIẢI TRÍ HÀ NỘI
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	: 0100844825
Vốn điều lệ	: 100.000.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	: 92.974.500.000 đồng
Địa chỉ	: Số 614 Đường Lạc Long Quân, Phường Nhật Tân, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội
Số điện thoại	: (04) 3718-4193
Số fax	: (04) 3718-4190
Website	: www.congvienhotay.vn
Mã cổ phiếu (nếu có)	: HES

1. Quá trình hình thành và phát triển

Ngày 11/11/1998, Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 055096 cho Công ty Cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội với số vốn điều lệ ban đầu là 45.000.000.000 đồng (Bốn mươi lăm tỷ đồng). Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là vui chơi giải trí các trò chơi dưới nước và trên cạn, dịch vụ văn hoá văn nghệ, dịch vụ thể thao rèn luyện thân thể, cho thuê địa điểm hội nghị, hội thảo... Các sáng lập viên bao gồm: Ban Tài chính quản trị Thành ủy Hà Nội, Tổng công ty bảo hiểm Việt Nam, Bru điện Hà Nội, Công ty đầu tư khai thác Hồ Tây...

Ngày 19/5/2000, Công viên nước khai trương và chính thức đi vào hoạt động. Với diện tích 6,4 ha bao gồm các trò chơi dưới nước và các dịch vụ phụ trợ. Công viên nước bao gồm 14 khu trò chơi dưới nước hiện đại, toàn bộ trang thiết bị của Công viên nước Hồ Tây được nhập khẩu trực tiếp từ Tây Ban Nha và tất cả đều đáp ứng đầy đủ những tiêu chuẩn mà Hiệp hội Công viên nước thế giới quy định. Ngoài ra, nguồn nước dùng trong các khu bể bơi đều được xử lý qua hệ thống lọc nước tuần hoàn hiện đại. Hàng ngày, bộ phận y tế của Công viên đều kiểm tra nguồn nước, các thông số về nước phải đảm bảo các tiêu chí của Bộ Y tế đưa ra; đảm bảo sức khỏe của khách hàng.

Ngày 2/7/2000, Khu vui chơi trên cạn rộng 1,7ha - nằm liền kề khu vui chơi dưới nước (Công viên nước) ra đời, ban đầu có tên là Công viên Vàng Trắng, chính thức khai trương và đi vào hoạt động (sau này đổi tên thành Công viên Mặt trời Mới cho đến nay).

Với mục tiêu phát triển là đưa Công viên Hồ Tây trở thành một điểm đến hấp dẫn hàng đầu của thủ đô Hà Nội và các tỉnh thành phố phía Bắc, HĐQT đã đưa ra những giải pháp ngắn và dài hạn để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh: Về ngắn hạn: tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, xây dựng sản phẩm, dịch vụ mới, áp dụng công nghệ mới vào quy trình tác nghiệp và quản lý nội bộ của công ty, đào tạo và đào tạo lại nguồn nhân lực, định hướng thị trường đúng đắn, tăng cường quảng bá tiếp thị sản phẩm, đa dạng hoá sản phẩm dịch vụ. Về dài hạn: từ năm 2017 HĐQT Công ty đang tiến hành triển khai làm lại quy hoạch tổng thể đồng bộ 2 khu công viên nước và công viên Mặt Trời Mới để đổi mới phù hợp với sự phát triển và xu hướng của xã hội hiện đại cũng như nhu cầu vui chơi giải trí của khách hàng hiện nay.

Năm 2021 vừa qua, do ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh covid, hoạt động kinh doanh của công ty gặp rất nhiều khó khăn. Hội đồng quản trị đã đưa ra các định hướng chỉ đạo khắc phục khó khăn cho công ty, Ban điều hành công ty và tập thể cán bộ công nhân viên quyết tâm đồng lòng vượt qua hoàn cảnh, khẳng định thương hiệu Công ty cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội – Công viên Hồ Tây trên thị trường vui chơi giải trí của Thành phố Hà Nội nói riêng và các tỉnh thành phía Bắc nói chung.

Những thành quả đáng ghi nhận mà Công ty đã đạt được trong thời gian qua như:

- ✓ Bằng khen của Tổng cục du lịch Việt Nam năm 2000
- ✓ Bằng khen của Bộ văn hóa thể thao năm 2000, 2002
- ✓ Bằng khen hội liên hiệp thanh niên Việt Nam năm 2002
- ✓ Bằng khen của Ủy ban quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế năm 2003
- ✓ Bằng khen của chủ tịch UBND thành phố Hà Nội các năm 2003, 2005
- ✓ Giải thưởng sao vàng Đất Việt năm 2003
- ✓ Bằng khen của UBND thành phố Hà Nội năm 2010 về thành tích tổ chức tốt sự kiện: **“1000 năm Thăng Long – Hà Nội”**
- ✓ Từ năm 2007 -2011, Công viên Hồ Tây liên tục được chứng nhận là 1 trong 500 thương hiệu mạnh tại Việt Nam do tổ chức AC Nielsen khảo sát và bình chọn.
- ✓ Năm 2006, 2008 và năm 2011, Khu vui chơi giải trí công viên Hồ Tây đã được người tiêu dùng bình chọn là thương hiệu nổi tiếng tại Việt Nam; được vinh danh trên bảng vàng: **“Thăng Long – Doanh nghiệp văn hóa năm 2010”**
- ✓ Năm 2011, Khu vui chơi giải trí công viên Hồ Tây vinh dự được nhận giải thưởng Top 500 sản phẩm, dịch vụ hàng đầu tại Việt Nam do người tiêu dùng bình chọn.
- ✓ Top 20 dịch vụ hoàn hảo do người tiêu dùng bình chọn năm 2014.
- ✓ Năm 2015, Công viên Nước Hồ Tây được tạp chí BuzzeFeed bình chọn là một trong 15 Công viên nước đáng ghé thăm nhất Thế Giới.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

a) Ngành nghề kinh doanh:

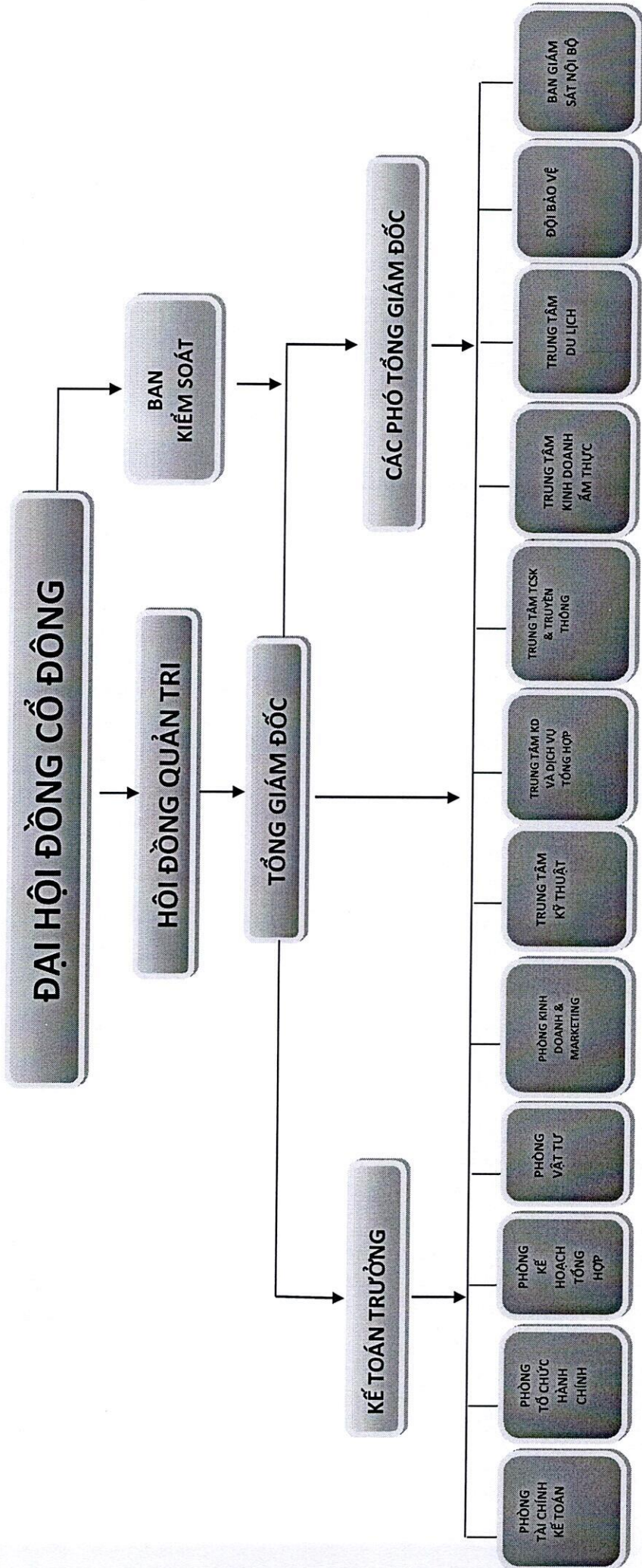
- Kinh doanh các trò chơi dưới nước, trên cạn;
- Tổ chức sự kiện, cho thuê địa điểm tổ chức sự kiện;
- Kinh doanh ẩm thực;
- Đại lý du lịch;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; bán buôn, bán lẻ đồ uống.

b) Địa bàn kinh doanh: Công viên Hồ Tây có địa chỉ tại số 614 Đường Lạc Long Quân, Phường Nhật Tân, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a) Mô hình quản trị: Công ty Cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần có cơ cấu gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY



b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Định hướng phát triển

a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Hoàn thiện xác định đơn giá thuê đất, ký phụ lục hợp đồng thuê đất khu diện tích đất 1,7ha Công viên Mặt Trời Mới,
- Phục hồi các hoạt động kinh doanh vui chơi giải trí sau dịch.
- Hoàn thiện việc ứng dụng công nghệ mới vào quy trình tác nghiệp của công viên, tiếp tục mở rộng các lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động kinh doanh khác của công ty;
- Đẩy mạnh truyền thông khai thác tối đa công viên nước và nhà hàng Sen Hồng.
- Phát triển các loại hình tiệc cưới khắc phục tình trạng hoạt động cầm chừng mùa thấp điểm.
- Tăng cường các biện pháp thu hút các nhà đầu tư chiến lược hợp tác kinh doanh khai thác dịch vụ công viên Hồ Tây nhằm phát triển bền vững.
- Xây dựng các phương án kinh doanh sản phẩm dịch vụ đảm bảo an toàn trong điều kiện dịch bệnh hiện tại.
- Tiếp tục đẩy mạnh và phát triển thương hiệu “Công viên Hồ Tây”;
- Nâng cao hiệu quả việc sử dụng nguồn nhân lực công ty.

b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Hoàn thiện Quy hoạch Tổng thể Công viên Hồ Tây, tìm nhà đầu tư khai thác, chấm dứt tình trạng lỗ vốn của Công viên Mặt trời mới trong hơn 20 năm qua.
- Khắc phục cơ bản được tình mùa vụ, khai thác hạ tầng Công viên mùa thấp điểm.
- Kết nối đồng bộ với khu phố đi bộ Trịnh Công Sơn tạo thành một điểm đến hấp dẫn cho người dân Thủ đô và du khách trong và ngoài nước.
- Xây dựng Công viên Hồ Tây là một điểm đến ấn tượng với du khách trong và ngoài nước khi đến Thủ đô, hướng tới việc phát triển bền vững, nâng cao chất lượng dịch vụ để đáp ứng được nhu cầu vui chơi giải trí của mọi du khách gần xa, đảm bảo người dân Thủ đô hay là du khách từ xa đến Công viên đều tìm thấy các dịch vụ giải trí cần thiết và phù hợp với mọi lứa tuổi.
- Là điểm tham quan văn hóa, văn minh và hiện đại có hạ tầng kỹ thuật được xây dựng hoàn chỉnh và đồng bộ, không bị chia cắt trên cơ sở tận dụng tối đa những lợi thế về cảnh quan và hạ tầng sẵn có, xứng tầm với một khu vui chơi giải trí ngay tại Thủ đô đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí ngày càng cao của chính người dân Hà Nội, công viên mang lại hiệu quả kinh tế cao, phát triển theo xu hướng bền vững, hiệu quả doanh nghiệp gắn với lợi ích cộng đồng.

c) Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

- Đảm bảo lợi ích của cổ đông cũng như lợi ích của công ty;
- Chăm lo đời sống người lao động;
- Thực hiện tốt nghĩa vụ đối với nhà nước và có trách nhiệm với cộng đồng. Đặc biệt là vấn đề bảo vệ môi trường.

5. Các rủi ro

- Tình hình dịch bệnh covid-19 diễn biến phức tạp với nhiều biến chủng mới, ảnh hưởng đến toàn bộ nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng.
- Yếu tố thời tiết và mùa vụ khó lường;
- Áp lực cạnh tranh trong lĩnh vực vui chơi giải trí từ các tập đoàn lớn và các khu vui chơi trong các khu chung cư, trung tâm thương mại;
- Diện tích nhỏ hẹp với mục đích sử dụng chỉ là vui chơi và giải trí;
- Các trò chơi cũng đã cũ, chưa có nhiều đổi mới.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a) **Tổng lượng khách:** đạt 15.408 lượt khách, giảm 165.443 lượt khách hay giảm 91,48% so với năm 2020;

b) **Tổng doanh thu:** đạt hơn 18,58 tỷ đồng, giảm 35,34 tỷ đồng hay giảm 65,54% so với năm 2020, *trong đó:* Doanh thu các hoạt động tự doanh tại Công viên đạt ~18 tỷ đồng, giảm 30,6 tỷ đồng hay giảm 63%; Doanh thu tour du lịch (*là hoạt động phát sinh doanh thu ngoài công viên*) đạt 0,59 tỷ đồng, giảm 4,74 tỷ đồng hay giảm 89%.

c) **Phân tích nguyên nhân:**

Năm 2021 tiếp tục là một năm diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid 19 với những biến chủng mới như Delta, Omicron...có độc lực mạnh và tốc độ lây nhiễm nhanh hơn. Trong 4 tháng đầu năm, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục ổn định và có nhiều dấu hiệu khởi sắc. Tuy nhiên làn sóng covid 19 bùng phát từ cuối tháng 4 với nhiều biến chủng mới lây lan nhanh, nguy hiểm, diễn biến phức tạp tại nhiều địa phương, đặc biệt là tại các tỉnh, thành phố trọng điểm như Hà Nội, Bắc Giang, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh...Hoạt động trong lĩnh vực vui chơi giải trí ngoài trời nên yếu tố thời tiết, khí hậu và tính mùa vụ có ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Đặc biệt, đại dịch Covid đã có ảnh hưởng hết sức nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của công viên do thường xuyên phải thực hiện giãn cách xã hội, tránh tụ tập đông người. Doanh thu CVN chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu của công ty chỉ đạt 1,23 tỷ đồng giảm 94,18% so với cùng kỳ năm 2020 là do ảnh hưởng của đợt dịch covid bùng phát tại Việt Nam kể từ ngày 27/4/2021 và kéo dài đến những tháng cuối năm, CVN chỉ mở cửa được vài ngày, sau đó đóng cửa đến hết mùa hoạt động. Doanh thu tổ chức sự kiện chỉ đạt 2,73 tỷ đồng giảm 70,97% so với cùng kỳ năm 2020 do ảnh hưởng của dịch covid, các cơ quan đơn vị phải thực hiện nhiều đợt giãn cách xã hội và thời gian giãn cách kéo dài để phòng chống dịch

theo quy định của chính phủ và thành phố, hơn nữa do kinh tế khó khăn nên hầu hết các doanh nghiệp và người dân đều phải cắt giảm ngân sách chi tiêu. Lượng khách đến công viên giảm kéo theo doanh thu của các bộ phận bán lẻ, ẩm thực, kinh doanh trò chơi trong nhà...cũng giảm. Kết quả: Tổng doanh thu đạt hơn 18,98 tỷ đồng, giảm 34,94 tỷ đồng hay giảm 64,79% so với năm 2020.

Đồng thời, chính sách thu tiền thuê đất của Nhà nước đối với khu đất công viên Mặt Trời Mới còn nhiều bất cập: Mục tiêu xây dựng khu vui chơi giải trí Công viên Hồ Tây là để đáp ứng nhu cầu nghỉ ngơi vui chơi giải trí của các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thanh thiếu niên đồng thời nhằm tăng vẻ đẹp cảnh quan, cải thiện môi trường sinh thái. Với mật độ xây dựng và hệ số sử dụng đất rất thấp, quỹ đất để trồng cây xanh, vườn hoa, sân đường nội bộ, bãi xe...chiếm hơn 70%, nhưng đơn giá thuê đất lại bị áp thu ở mức cao nhất như nhóm ngành kinh doanh thương mại, dịch vụ (đối với các dự án bất động sản: đất làm sân đường nội bộ, vườn hoa lại được tính giá thuê giảm tới 50%)

Nhiều thiết bị trò chơi được đầu tư cách đây đã 20 năm nên các chi phí duy tu, sửa chữa bảo dưỡng là khá lớn, một số thiết bị trò chơi chủ lực đã phải ngừng hoạt động chờ thanh lý do không khai thác được nữa (Đu quay khổng lồ, rồng thép, tàu điện trên không...)

2. Tổ chức và nhân sự

a) Danh sách Ban điều hành:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Nguyễn Thị Vân	Tổng Giám đốc
2	Hoàng Văn Toàn	Phó Tổng Giám đốc
3	Nghiêm Thị Hồng Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
4	Lê Thị Nhạn	Phó Tổng Giám đốc
5	Vũ Quang Tuyên	Kế toán trưởng

❖ Bà Nguyễn Thị Vân

- Họ và tên: NGUYỄN THỊ VÂN
- Giới tính: Nữ
- Số CMND: 011991381
- Ngày cấp: 20/03/2012
- Nơi cấp: Hà Nội
- Ngày tháng năm sinh: 12/09/1972
- Nơi sinh: Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: Phòng 1102 - B13 – Chung cư Ban Đảng TW, tổ 15, phường Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội
- Số điện thoại: 0904.227.576
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn:
 - Cử nhân QTKD - Trường ĐH Kinh tế quốc dân
 - Nghiệp vụ chuyên môn về Quản trị kinh doanh
 - Nghiệp vụ chuyên môn về khách sạn, nhà hàng
- Quá trình công tác:
 - Từ 10/1991 đến 2008:
 - ✓ Nhân viên, phó phụ trách, phụ trách khối Nhà hàng – Khách sạn Hòa Bình
 - ✓ Bí thư Đoàn TN Khách sạn Hoà Bình, (Bí thư Đoàn TN Tổng Công ty Du lịch Hà Nội từ 11/2005-8/2012)
 - Từ 04/2008 đến 07/2008: Bí thư Đoàn TN chuyên trách Tổng Công ty Du lịch Hà Nội.
 - Từ 07/2008 đến 08/2011: Phó Chánh VP Tổng Công ty Du lịch Hà Nội, kiêm Bí thư Đoàn Thanh niên.
 - Từ 08/2011 đến 5/2016:
 - ✓ Trưởng phòng Quản lý Kinh doanh TN Văn Phòng Tổng Công ty Du lịch Hà Nội (Kiêm Bí thư Đoàn thanh niên – đến 08/2012)
 - Từ 2005 – nay: Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy Tổng công ty Du lịch HN.
 - Từ 05/2016 – Nay: Tổng giám đốc Công ty CP Dịch vụ Giải trí Hà Nội
 - Từ 03/2016 – Nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần DVGT Hà Nội
 - Từ 08/2019 – Nay: Phó TGD TCT DL Hà Nội – Công ty TNHH.
 - Từ 05/2019 – Nay: UVTV Đảng ủy TCT Du lịch Hà Nội
- Chức vụ công tác hiện nay: Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Du lịch Hà Nội – Công ty TNHH.
- Số cổ phần nắm giữ: 1.015.923 cổ phần
 - *Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - + Đại diện sở hữu: 1.015.923 cổ phần cho Tổng công ty DL Hà Nội – Công ty TNHH
 - *Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành (nếu có): Không

- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại các công ty khác: Không

❖ **Ông Hoàng Văn Toàn**

- Họ và tên: **HOÀNG VĂN TOÀN**
- Giới tính: Nam
- Số CCCD: 030072000084
- Ngày cấp: 21/10/2014
- Nơi cấp: CA TP. Hà Nội.
- Ngày tháng năm sinh: 20/05/1972
- Nơi sinh: Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thanh Hà, Hải Dương
- Địa chỉ thường trú: Tổ 18, cụm 3 Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội
- Số điện thoại: 0914.953.304
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn:
 - ✓ Cơ khí chế tạo máy - Đại học Bách khoa
 - ✓ Quản trị kinh doanh - Đại học Bách khoa
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 08/1994 đến 01/2003: Nhân viên thiết kế phòng kỹ thuật tại Công ty Dụng cụ cơ khí xuất khẩu.
 - ✓ Từ 02/2003 đến 10/2006: Thư ký ISO, trợ lý cho đại diện lãnh đạo (QMA) về hệ thống quản lý tại Công ty Dụng cụ cơ khí xuất khẩu.
 - ✓ Từ 01/11/2006 đến 15/01/2007: Trợ lý kỹ thuật cho Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội.
 - ✓ Từ 15/01/2007 đến 11/2011: Trưởng phòng kỹ thuật, giám đốc trung tâm Kỹ thuật Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội.
 - ✓ Từ 11/2011 đến nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc trung tâm kỹ thuật Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội.
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc trung tâm kỹ thuật Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 7.000 cổ phần (chiếm 0,08% vốn cổ phần của Công ty)
 - *Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 7.000 cổ phần
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

**Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không*

- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành (nếu có): Không
- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại các công ty khác: Không

❖ **Bà Nghiêm Thị Hồng Hạnh**

- Họ và tên: **NGHIÊM THỊ HỒNG HẠNH**
 - Giới tính: Nữ
 - Số CCCD: 001178026619
 - Ngày cấp: 21/04/2021
 - Nơi cấp: Hà Nội
 - Ngày tháng năm sinh: 19/12/1978
 - Nơi sinh: Hà Nội
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Quê quán: Từ Liêm, Hà Nội
 - Địa chỉ thường trú: 518 - A25 Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
 - Số điện thoại: 0943.133.042
 - Trình độ văn hóa: 12/12
 - Trình độ chuyên môn:
 - ✓ Cử nhân Hành chính – Học viện Hành chính Quốc Gia
 - ✓ Cử nhân ngoại ngữ - Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc Gia Hà Nội
 - Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 04/2003 đến 09/2003: Thư ký Trưởng nhóm kinh doanh D27 – Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam
 - ✓ Từ 10/2003 đến 09/2005: Nhân viên Thống kê Công ty bảo hiểm Hà Nội
 - ✓ Từ 09/2005 đến 11/2007: Thư ký Tổng hợp Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội
 - ✓ Từ 11/2007 đến 09/2011: Thư ký Hội đồng Quản trị, Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội
 - ✓ Từ 09/2011 đến 04/2014: Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội
 - ✓ Từ 04/2014 đến nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội.
 - Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội.
 - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
- *Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

**Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu:*

Chồng: Trịnh Thái Nghĩa: Sở hữu 1.400 cổ phần

- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành (nếu có): Không
- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại các công ty khác: Không

❖ **Bà Lê Thị Nhạn**

- Họ và tên: **LÊ THỊ NHẠN**
- Giới tính: Nữ
- Số CCCD: 034178005741
- Ngày cấp: 05/03/2018
- Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Ngày tháng năm sinh: 01/07/1978
- Nơi sinh: Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: P105 - nhà 7 - số 2 Bùi Ngọc Dương - Thanh Nhàn – Hai Bà Trưng - Hà Nội
- Số điện thoại: 0913.383.809
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân đại học KHXH và NV – Du lịch
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 12/2000 đến 04/2001: Nhân viên khách sạn 5* Melia Hà Nội
 - ✓ Từ 05/2001 đến 05/2010: Trưởng lễ tân, trưởng phòng sale, trợ lý giám đốc, Phó Giám đốc khách sạn 3* Holidays Hà Nội
 - ✓ Từ 05/2010 đến 05/2012: Trưởng phòng Kinh doanh & Marketing - Giám đốc Trung tâm Tổ chức Sự kiện tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội.
 - ✓ Từ 06/2012 đến 05/2013: Quản lý điều hành Công ty TNHH Du lịch Không gian VN
 - ✓ Từ tháng 7/2013 - 4/2015 Giám đốc Trung tâm du lịch Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội
 - ✓ Từ 05/2015 đến nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Trung tâm du lịch Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Trung tâm du lịch Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
- *Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- **Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không*
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành (nếu có): Không
- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại các công ty khác: Không

❖ **Kế toán trưởng**

- Họ và tên: **VŨ QUANG TUYÊN**
- Giới tính: Nam
- Số CCCD: 033068003864
- Ngày cấp: 29/06/2020
- Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội
- Ngày tháng năm sinh: 22/12/1968
- Nơi sinh: Xã Toàn Thắng – Huyện Kim Động – Tỉnh Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: Số 7 Ngõ 114 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội
- Số điện thoại: 0913.571.428
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Trường Đại học kinh tế quốc dân
- Quá trình công tác:
 - Từ 02/1988 đến 01/1990: Thực hiện nghĩa vụ quân sự tại Trường Hạ Sĩ quan trình sát chuyên môn kỹ thuật (T700) thuộc Cục Nghiên cứu, nay là Tổng cục II – Bộ Quốc Phòng, cấp bậc Hạ Sĩ, làm kế toán tài vụ và quản lý cơ quan Hiệu bộ nhà trường.
 - Từ 09/1990 đến 08/1994: Học tập tại trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội, Khoa Ngân hàng – Tài chính.
 - Từ 10/1994 đến 12/2008: Kế toán trưởng và kiêm nhiệm Chủ tịch Công đoàn nhiệm kỳ I (1995–1997) tại Chi nhánh Công ty Dịch vụ Du lịch Bến Thành tại Hà Nội.
 - Từ 01/2009 đến 06/2010:
 - ✓ Phó Giám đốc kiêm nhiệm Bí thư Chi bộ Chi nhánh Công ty dịch vụ Du lịch Bến Thành tại Hà Nội.

- ✓ Đảng ủy viên Đảng ủy Công ty dịch vụ Du lịch Bến Thành – TP.HCM
- Từ 09/2010 đến 10/2010: Trưởng phòng Tài chính – Kế toán Công ty Cổ phần DVGT Hà Nội.
- Từ 11/2010 đến nay: Kế toán trưởng kiêm Bí thư Chi bộ Công ty CP dịch vụ giải trí Hà Nội.
- Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng kiêm Bí thư Chi bộ Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
- *Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- **Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không*
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành (nếu có): Không
- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại các công ty khác: không

b) Những thay đổi trong ban điều hành: không có

c) Số lượng cán bộ, nhân viên:

- Số lượng lao động bình quân/ tháng: 175 người/ tháng
- Tiền lương bình quân: 4.767.000 đ/ người/ tháng.
- Do bị ảnh hưởng nặng nề của đại dịch COVID 19. Căn cứ vào yêu cầu công việc Công ty thực hiện chính sách tiết giảm lương. Những tháng Công ty ảnh hưởng bởi Dịch bệnh, CBNV chỉ hưởng 50% thu nhập để thực hiện những công việc duy trì hoạt động tối thiểu của Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: không có

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng/ giảm
Tổng giá trị tài sản	109.470,8	95.901,9	-12,39%
Doanh thu thuần	53.928,8	18.987,3	-64,79%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-13.360,3	-29.189,1	118,48%

Lợi nhuận khác	255,9	126,2	-50,68%
Lợi nhuận trước thuế	-13.104,4	-29.062,8	-121,78%
Lợi nhuận sau thuế	-13.104,4	-29.062,8	-121,78%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đ.V.T	Năm 2020	Năm 2021
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	2,69	0,68
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	Lần	2,61	0,65
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	11,43	29,2
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	12,9	41,24
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng	42,43	23,52
+ Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	0,45	0,18
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-24,30	-153,06
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	-13,51	-42,8
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	-11,97	-30,3
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	-24,77	-153,73

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

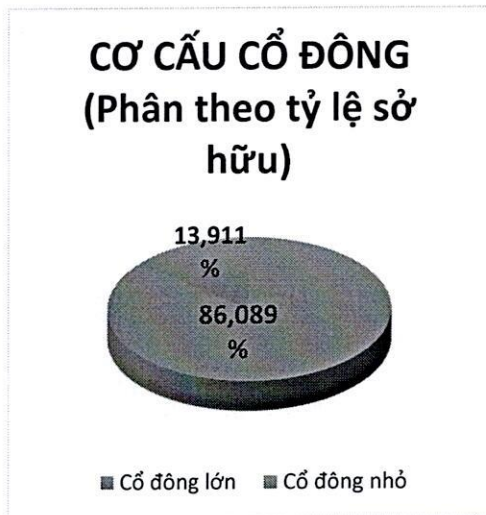
STT	Loại hình cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước		9.290.650	99,93%
<i>Trong đó:</i>				

- Tổ chức:	6	8.018.065	86,24%
- Cá nhân:	402	1.272.585	13,69%
II Cổ đông nước ngoài		4.000	0,04%
<i>Trong đó:</i>			
- Tổ chức:	0	0	0%
- Cá nhân:	1	4.000	0,04%
III Cổ phiếu quỹ	1	2.800	0,03%
Tổng cộng		9.297.450	100%

Tính đến thời điểm 23/03/2021 Công ty Cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội có 9.297.450 cổ phần, trong đó số cổ phần đang lưu hành là 9.294.650 được nắm giữ bởi 409 cổ đông, tất cả 9.294.650 cổ phần đang lưu hành của Công ty đều có quyền chuyển nhượng tự do. 99,76% cổ đông của Công ty Cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội là cổ đông trong nước; 0,24% cổ đông nước ngoài.

b) Cơ cấu cổ đông:

Dựa vào các tiêu chí, danh sách cổ đông của Công ty cổ phần dịch vụ Giải trí Hà Nội được chia theo cơ cấu như sau:



Phân chia theo tỷ lệ sở hữu, cơ cấu cổ đông của Công ty Cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội được chia làm 2 loại: nhóm cổ đông lớn và nhóm cổ đông nhỏ. Theo khoản 18 điều 4 Luật chứng khoán hiện hành: “*Cổ đông lớn là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành*”. Theo danh sách Cổ đông của Haseco được chốt ngày 23/03/2021, Cổ đông lớn bao gồm: Tổng công ty du lịch Hà Nội, Tập đoàn Bảo Việt, Công ty TNHH Trí Thành, Công ty Cổ phần đầu tư phát triển và xây dựng Thành Đô, Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Sen. Nhóm cổ đông nhỏ bao gồm các cổ đông còn lại.

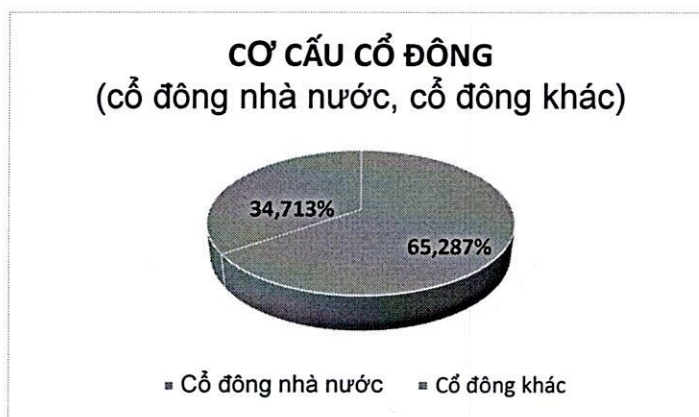
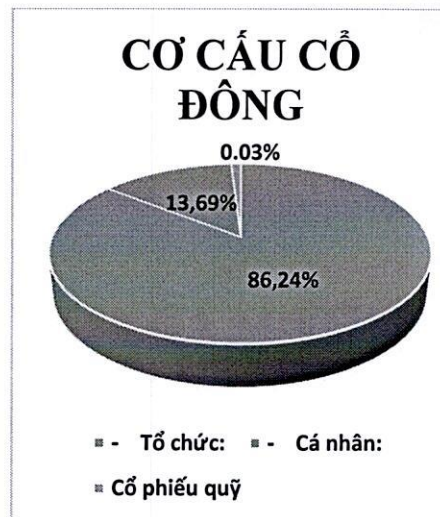
Cơ cấu cổ đông của Công ty Cổ phần dịch vụ Giải trí Hà Nội khi chia theo đặc trưng của cổ đông sở hữu, gồm: Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân.

✓ Nhóm cổ đông là tổ chức bao gồm:

1. Tổng Công ty du lịch Hà Nội – Công ty TNHH
2. Tập đoàn Bảo Việt
3. Công ty TNHH Trí Thành
4. Công ty cổ phần đầu tư phát triển và xây dựng Thành Đô
5. Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Sen
6. Công ty Cổ phần chứng khoán Bảo Việt
7. Công ty Cổ phần dịch vụ Giải trí Hà Nội (nắm giữ cổ phiếu quỹ)

✓ Nhóm CĐ là cá nhân nắm giữ CP của Công ty: còn lại

Theo danh sách cổ đông của Haseco được chốt ngày 23/03/2021, trong 408 cổ đông trong nước, cổ đông là doanh nghiệp nhà nước chiếm 65,287% (Tổng công ty du lịch Hà Nội chiếm 45,927; Tập đoàn Bảo Việt chiếm 19,36%), còn lại 34,713% cổ phiếu được nắm giữ bởi cổ đông khác (bao gồm doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước).



Số liệu được sử dụng theo danh sách cổ đông Haseco được chốt ngày 23/03/2021

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Thời điểm	Số lượng phát hành (cổ phần)	Giá trị phát hành (theo mệnh giá)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
Năm 1999	450.000 (MG: 100.000 đồng/cổ phần)	45.000.000.000	Thành lập Công ty.	
Tháng 3/2000	240.000 (MG: 100.000 đồng/cổ phần)	24.000.000.000	Phát hành cổ phiếu ưu đãi cổ tức cho cổ đông sáng lập (hưởng mức cổ	- NQ ĐHCĐ số 01/2000/NQ/ĐHĐ CĐ.HASECO ngày

Thời điểm	Số lượng phát hành (cổ phần)	Giá trị phát hành (theo mệnh giá)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
			tức ưu đãi cố định là 8%/năm, áp dụng trong khoảng thời gian 5 năm; từ năm 2000 đến năm 2005)	21/03/2000 (để hoàn thành đầu tư giai đoạn 1 của Công viên Hồ Tây)
Tháng 01/2001	90.000 (MG: 100.000 đồng/cổ phần)	9.000.000.000	Phát hành cổ phiếu ưu đãi cổ tức cho cổ đông sáng lập (hưởng mức cổ tức ưu đãi cố định là 8,4%/năm, áp dụng trong khoảng thời gian 5 năm; từ năm 2001 đến năm 2006)	NQ ĐHĐCĐ số 388/NQ/ĐHĐCĐ/2000 ngày 25/11/2000.
Tháng 08/2001	1.497.450 (MG: 10.000 đồng/cổ phần)	14.974.500.000	Chào bán cho cán bộ công nhân viên, cổ đông sáng lập và bán đấu giá.	Biên bản ĐHĐCĐ số 05/2001/BB/ĐHĐCĐ-HASECO ngày 23/07/2001
Cộng:	9.297.450	92.974.500.000		

Chú ý:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100844825 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09/08/1999 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 19/07/2016, vốn điều lệ của Haseco là 100.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, tính đến thời điểm 30/09/2011, vốn điều lệ thực góp của Công ty là 92.974.500.000 đồng. Điều này là do năm 2001, Công ty dự kiến tăng vốn lên 100 tỷ đồng nhưng số cổ phần thực tế phát hành được không đủ để tăng lên mức vốn nêu trên, khi đó, vốn điều lệ Công ty chỉ đạt 92.974.500.000 đồng. Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh lại mức vốn điều lệ của Công ty trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời gian sớm nhất.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Hiện tại Công ty có 2.800 cổ phiếu quỹ. Không có giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2021.

e) Các chứng khoán khác:

- Các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm: không có
- Số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty đối với cá nhân, tổ chức khác liên quan đến việc phát hành chứng khoán: không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vui chơi giải trí lớn nhất miền Bắc, hơn nữa các hoạt động vui chơi của Công viên Hồ Tây đều được tổ chức ngoài trời, nên yếu tố môi trường giữ vai trò quan trọng tác động đến kết quả kinh doanh của Công viên Hồ Tây.

6.1) Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty đặc biệt quan tâm đến việc đảm bảo không gian trong lành, cảnh quan tươi xanh. Vì vậy công ty đã lập đề án bảo vệ môi trường và được chấp thuận. Việc xử lý nước thải được đặc biệt quan tâm, đó là đầu tư hệ thống xử lý nước thải công ty được đấu nối chung với hệ thống xử lý nước thải chung của Thành phố của Công ty Phú Điền . Hàng quý Công ty thực hiện quan trắc môi trường định kỳ và lập báo cáo về công tác bảo vệ môi trường theo quy định.

Công ty có khu tập kết và xử lý rác thải sinh hoạt riêng biệt và được thu gom, xử lý theo đúng quy định.

Công ty có kho chứa chất thải nguy hại và được vận chuyển và xử lý theo đúng quy định. Hàng năm có báo cáo về việc quản lý, xử lý chất thải nguy hại.

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

6.2) Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Số lượng lao động bình quân/ tháng: 175 người/ tháng
- Tiền lương bình quân: 4.767.000 đ/ người/ tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Mặc dù bị ảnh hưởng nặng nề của đại dịch COVID 19 nhưng Công ty và công đoàn phối hợp để động viên người lao động trong những ngày lễ tết, những gia đình có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt bị ảnh hưởng do dịch... ; thăm hỏi ốm đau, ma chay hiếu hi... theo quy định của Công ty.

- Công ty thực hiện các chế độ BHXH, BHYT, BHTN và các chế độ như ốm đau, thai sản... theo đúng quy định của Pháp luật.

- Thời giờ nghỉ ngơi:
 - + Nhân viên khối văn phòng được bố trí nghỉ vào ngày nghỉ cuối tuần. Nhân viên khối tác nghiệp do tính chất hoạt động dịch vụ được bố trí nghỉ 01 ngày trong tuần.
 - + Nghỉ phép, nghỉ lễ tết, nghỉ chế độ... người lao động được nghỉ việc, hưởng nguyên lương theo quy định của Nhà nước.
 - Khen thưởng: có chế độ khen thưởng CBNV hoàn thành suất sắc nhiệm vụ hàng năm, hàng tháng, có khen thưởng sáng kiến, đột xuất... theo quy định của Công ty.
 - An toàn lao động, VSLĐ: Công ty có trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động và cải thiện điều kiện lao động cho người lao động. Xây dựng và ban hành nội quy về ATLĐ, VSLĐ cho các máy móc thiết bị và các công việc có nguy cơ tai nạn, nguy hiểm độc hại.
 - Công ty có phòng Y tế riêng với trang thiết bị, thuốc men đầy đủ. Hàng năm công ty đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo đúng quy định.
 - Công ty có bếp ăn công đoàn đã được đầu tư công cụ, dụng cụ đảm bảo về chất lượng cũng như đảm bảo ATVSTP để phục vụ cho người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- 18h/ nhân sự, trong đó:
 - + Đào tạo nội bộ: 12h/ nhân sự
 - + Đào tạo nhân viên thời vụ: 24h/ nhân sự
 - + Ngoài ra các Bộ phận tác nghiệp Trưởng các Bộ phận chủ động đào tạo tại chỗ nhân viên.
 - Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp
 - Công ty có tổ chức các khóa đào tạo tổng quan và đào tạo nghiệp vụ tại Công ty. Khóa đào tạo tổng quan Công ty: cung cấp cho người lao động kiến thức tổng quan về Công ty: giới thiệu lịch sử hình thành, mô hình tổ chức, định hướng loại hình sản phẩm dịch vụ, nội quy, quy chế và văn hóa Công ty...
 - + Khóa đào tạo nghiệp vụ và kỹ năng cho từng vị trí Công việc: Cứu hộ, bán lẻ cho thuê đồ bơi, bán hàng Ẩm thực, lễ tân chăm sóc khách hàng, soát vé, locker, Tổ xe, Tổ vé, Thu ngân...
 - + Các khóa đào tạo theo yêu cầu của công việc: đào tạo nghiệp vụ cứu hộ, bảo vệ, ATVSLĐ, ATVSTP, PCCC...

6.3) Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng:

Chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng luôn được Ban lãnh đạo Haseco chú trọng. Công ty luôn chú trọng đến hoạt động khuyến góp, ủng hộ hoạt động bào lũ lụt, thiên tai, hỏa hoạn, trợ cấp và tặng quà cho các gia đình chính sách, các cháu nhỏ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn...

Trong năm 2021 Công ty đã phối hợp với Tổng công ty, Thành đoàn Hà Nội... đóng góp và tài trợ sản phẩm nước đóng chai D'lo Haseco cho các Tổ chức y tế của địa phương, trên địa bàn Hà Nội và những người dân ảnh hưởng bởi Dịch covid giúp một phần chung tay chống Dịch cùng cả Nước.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Một số chỉ tiêu kinh doanh chính

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện		Mức biến động so với kỳ trước		Tỉ lệ % so với doanh thu thuần	
		Năm 2021	Năm 2020	Số tiền	Tỉ lệ %	Năm 2021	Năm 2020
1	Tổng Doanh thu	18.987,3	53.928,8	-34.941,5	-64,79	-	-.
2	Các khoản giảm trừ	-	-.	-	-	-	-.
3	Doanh thu thuần	19.987,3	53.928,8	-34.941,5	-64,79	100,00	100,00
4	Giá vốn h/hóa, dịch vụ	24.175,2	39.032,5	-14.857,3	-38,06	127,32	72,38
5	Lợi nhuận gộp	(5.187,9)	14.896,3	(20.084,2)	(134,83)	-27,32	27,62
6	Doanh thu tài chính	524,1	1.891,5	-1.367,4	-72,29	2,76	3,51
7	Chi phí tài chính	0,1	0,02	0,1	-	-	-
8	Chi phí bán hàng	6.718,1	11.269,6	-4.551,5	-40,39	35,38	20,90
9	Chi phí quản lý	17.807,1	18.878,6	-1.071,4	-5,68	93,78	35,01
10	Lợi nhuận thuần	(29.189,1)	(13.360,3)	(15.828,8)	118,48	-153,73	-24,77
11	Thu nhập khác	126,2	322,5	-196,3	-60,86	0,66	0,60
12	Chi phí khác	-	66,6	-66,6	-99,99	-	0,12
13	Lợi nhuận khác	126,2	255,9	-129,7	-50,68	0,66	0,47
14	Lợi nhuận trước thuế	(29.062,8)	(13.104,4)	(15.958,5)	121,78	-153,06	-24.30

15	Chi phí thuế TNDN	-	-	-	-	-	-
16	LN sau thuế TNDN	(29.062,8)	(13.104,4)	(15.928,5)	121,78	-153,06	-24,30

Phân tích nguyên nhân:

Công viên Hồ Tây là một khu vui chơi giải trí ngoài trời, trong vài năm qua vẫn luôn luôn phải đối mặt với những khó khăn về thời tiết, khí hậu, tiền thuê đất tăng cao, thiết bị trò chơi đã được đầu tư từ 20 năm đến nay...

Đại dịch Covid-19 bùng phát tại Việt Nam qua nhiều đợt và kéo dài (đợt 1 từ 23/01/2020 - 24/7/2020; đợt 2 từ 25/7/2020 - 27/01/2021; đợt 3 từ 28/01/2021 - 26/4/2021; và đợt 4 từ 27/4/2021 đến nay), đã có ảnh hưởng cực kỳ nghiêm trọng đến mọi hoạt động kinh doanh của Công viên Hồ Tây. Năm 2020, tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty đã phải đối mặt với nhiều khó khăn, thì năm 2021 này còn khó khăn gấp bội, có thể nói là năm khó khăn nhất kể từ ngày thành lập cho đến nay. Công ty tiếp tục không thể cân đối được thu-chi và mức lỗ còn cao hơn nhiều so với năm 2020, Ban điều hành cố gắng nỗ lực phấn đấu tối đa hóa nguồn thu và triệt để tiết giảm các khoản chi để mức lỗ ở mức thấp nhất.

Trong năm 2021 vừa qua, Công viên nước Hồ Tây được mở cửa từ ngày 21/4, sau 1 tuần cho chạy “Roda” thì đến ngày 27/4 bắt đầu bùng phát đợt dịch thứ 4 tại Việt Nam, có tác động đến tâm lý người dân, các cấp chính quyền thì thận trọng trong phòng chống dịch, nên kỳ nghỉ Lễ 30/4-1/5 lượng khách đến Công viên nước bị giảm sút nhiều so với kỳ nghỉ Lễ những năm trước. Do dịch bùng phát và lan nhanh đến Hà Nội, nên theo quy định và thông báo của UBND Hà Nội, Công viên Hồ Tây đã phải đóng cửa tạm dừng các hoạt động kinh doanh kể từ ngày 6/5 cho đến giữa tháng 10, tức là đóng cửa đến hết mùa hoạt động Công viên nước. Do đó, doanh thu và lượng khách CVN trong năm 2021 bị giảm lần lượt là 94,18% và 91,98%, làm cho hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Với khu Công viên Mặt trời mới, Công ty đã xin gia hạn thời gian thuê đất và vẫn đang trong giai đoạn làm lại quy hoạch đồng bộ cả 2 công viên (CVN+MTM), nên chưa có chủ trương đầu tư để thúc đẩy hoạt động kinh doanh của khu Công viên MTM lên được. Trong khi đó, hiện trạng các thiết bị trò chơi của khu Công viên Mặt trời mới đã bị xuống cấp, một số thiết bị trò chơi phải ngừng hẳn hoạt động để chờ thanh lý hoặc thay thế thiết bị mới (Rồng thép, Đu quay khổng lồ, Tàu điện...), nên có ảnh hưởng rất lớn đến các phương án kinh doanh của công viên MTM, và kể cả khách đoàn tour học sinh và một số chương trình sự kiện có gắn với các trò chơi. Do đó, doanh thu và lượng khách Công viên MTM bị giảm lần lượt là 90,39% và 84,54%.

Do lượng khách đến 2 công viên đều giảm nên doanh thu các hoạt động phụ trợ (bán lẻ và cho thuê đồ bơi, ẩm thực, bãi xe, nhà khách...) cũng bị giảm theo.

Trước tình hình đó, Ban lãnh đạo Công ty đã rất sát sao trong công tác chỉ đạo điều hành, tăng cường các giải pháp thúc đẩy kinh doanh ngay khi dịch bệnh được kiểm soát để tìm kiếm và khai thác khách hàng mới, áp dụng các chương trình khuyến mại hấp dẫn vào những ngày nắng nóng hoặc các tuần thấp điểm, góp phần gia tăng doanh thu và lượng khách đến vui chơi tại Công viên Hồ Tây. Đồng thời, công ty cũng luôn quan tâm đến công tác cải tạo cơ sở hạ tầng, nâng cấp cảnh quan, đảm bảo cho công viên luôn được xanh mát vào mùa hè, đặc biệt chú trọng cải tạo các khu vệ sinh sao cho đồng bộ, đáp ứng nhu cầu thị hiếu ngày càng cao của khách hàng. Ngoài ra, công ty thường xuyên và triệt để rà soát các khoản chi để đề ra các giải pháp tiết kiệm chi phí (kể cả biện pháp giảm lương của người lao động từ 50% - 70%, giảm thù lao của Hội đồng quản trị và BKS 20% trong 3 quý đầu năm. Riêng quý IV các thành viên HĐQT và BKS không nhận thù lao), nâng cao hiệu quả kinh doanh, góp phần làm cho kết quả kinh doanh năm nay của công ty đạt và vượt mức kế hoạch (điều chỉnh) mà Hội đồng quản trị đã giao.

Chi phí giá vốn giảm 14,86 tỷ đồng hay giảm 38% so với cùng kỳ 2020, trong đó: Giá vốn hàng bán lẻ giảm 690,5 triệu đồng hay giảm 85,5% (DT giảm 90,25%), giá vốn giảm ít hơn doanh thu là do cơ cấu doanh thu có mức tăng giảm khác nhau; Giá vốn ẩm thực giảm 2,58 tỷ đồng hay giảm 73,65% (DT giảm 68,92%) là do trong cơ cấu doanh thu có mức tăng giảm khác nhau (do doanh thu tiệc cưới chiếm tỷ trọng lớn và chỉ giảm 55,1%); Giá vốn tour du lịch giảm 4,51 tỷ đồng hay giảm 89,14%, tương ứng với mức giảm của doanh thu là 88,93%; Chi phí giá vốn dịch vụ Công viên nước giảm 5,18 tỷ đồng hay giảm 24,53% (thấp hơn mức giảm 94,18% của doanh thu), là do khu CVN phải đầu tư nhiều máy móc thiết bị, nhà cửa vật kiến trúc nên định phí chiếm tỷ trọng lớn, còn biến phí chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ; Chi phí giá vốn dịch vụ Công viên Mặt trời mới giảm 1,73 tỷ đồng hay giảm 24,53% (thấp hơn mức giảm 90,39% của doanh thu) là do khu CV.MTM phải đầu tư nhiều máy móc thiết bị, nhà cửa vật kiến trúc nên định phí chiếm tỷ trọng lớn, còn biến phí chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ.

Chi phí bán hàng giảm 4,55 tỷ đồng hay giảm 40,4% so với năm 2020, trong đó: Chi phí nhân viên bán hàng giảm 36,8%; Chi phí công cụ dụng cụ giảm 49,3%; Chi phí khấu hao giảm 11,2%; Chi phí dịch vụ mua ngoài giảm 37,2%; Chi phí bằng tiền khác giảm 66,2%.

Chi phí quản lý giảm 1,07 tỷ đồng hay giảm 5,68% so với năm 2020, trong đó: chi phí nhân viên quản lý giảm 27,5%; chi phí vật liệu quản lý giảm 51,3%; chi phí công cụ đồ dùng giảm 72,2%; chi phí khấu hao tăng 2,3%; chi phí tiền thuê đất tăng 2,187 tỷ đồng hay tăng 28,23% là do lô đất 1,7 ha chưa được xét miễn giảm 30% theo Quyết định số 27/2021/QĐ-TTg; chi phí dịch vụ mua ngoài giảm 45,5%; chi phí bằng tiền khác giảm 22,1%.

Doanh thu hoạt động tài chính năm 2021 đạt 524 triệu đồng, giảm 1.367,4 triệu đồng hay giảm 72,3%, là do số dư các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn giảm nhiều so với năm 2020.

Do đó, kết quả kinh doanh năm 2021 của Công ty bị lỗ 29,06 tỷ đồng, bằng 92,4% (giảm lỗ 7,6%) so với kế hoạch (điều chỉnh) mà Hội đồng quản trị đã giao.

2. Tình hình tài chính

Về tổng tài sản: Tổng tài sản của công ty tại ngày 31/12/2021 là 95,9 tỷ đồng, giảm 13,57 tỷ đồng hay giảm 12,39% so với 31/12/2020.

Về tổng nguồn vốn: Tổng nguồn vốn của công ty tại ngày 31/12/2021 là 95,9 tỷ đồng, giảm 13,57 tỷ đồng hay giảm 12,39% so với 31/12/2020.

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Đại dịch Covid-19 vẫn tiếp tục có những tác động tiêu cực đến nhiều mặt đời sống kinh tế - xã hội của nước ta, hoạt động sản xuất kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn, thách thức, lĩnh vực dịch vụ chịu ảnh hưởng nặng nề nhất, đặc biệt là dịch vụ du lịch và vui chơi giải trí. Sức mua của đại đa số các doanh nghiệp vừa và nhỏ và nhiều tầng lớp dân cư sẽ bị sụt giảm mạnh, ngân sách chi tiêu cho các dịch vụ không thiết yếu như du lịch và vui chơi giải trí sẽ bị cắt giảm. Ngoài ra còn có tâm lý e ngại/hạn chế các hoạt động du lịch, vui chơi giải trí trong tình hình dịch bệnh có thể bùng phát trở lại bất cứ lúc nào.

Ngày 11/10/2021, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 128/NQ-CP quy định tạm thời về thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh với mục tiêu công tác phòng, chống dịch vẫn là nhiệm vụ trọng tâm nhằm bảo vệ tối đa sức khỏe, tính mạng của nhân dân, đồng thời khôi phục, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh, trật tự an toàn xã hội. Hơn nữa, ngày trong tháng đầu năm 2022, có hơn 70% dân số Việt Nam đã tiêm đủ 2 liều vắc-xin và tỉ lệ % dân số đã tiêm mũi 3 đang có xu hướng tăng nhanh. Với chủ trương và kết quả tiêm phòng đã đạt được, khả năng miễn dịch cộng đồng sẽ được nâng cao, những biện pháp cực đoan phòng chống dịch sẽ dần được nới lỏng, tạo điều kiện cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2022 được trở lại trạng thái bình thường mới, để nhiều ngành kinh tế có thể phục hồi và phát triển.

Trong thời gian tới công ty tiếp tục phải thực hiện triệt để các biện pháp “thắt lưng buộc bụng”, nỗ lực khắc phục những khó khăn, tăng cường khai thác và bổ sung các sản phẩm dịch vụ mới.

Tình hình kinh doanh năm 2022 này vẫn chưa thể lường được hết các khó khăn, Công ty vẫn chưa thể cân đối được thu-chi và có lãi, Ban điều hành sẽ cố gắng nỗ lực phấn đấu tăng nguồn thu và tiết giảm các khoản chi để mức lỗ ở mức thấp nhất.

Trên cơ sở kết quả kinh doanh năm 2021 và dự báo môi trường kinh doanh năm 2022. Các chỉ tiêu kinh doanh cho năm 2022 cụ thể như sau:

Tổng doanh thu kế hoạch năm 2022 đạt 34.334,4 trăm đồng, bằng 180,83% so với năm 2021, trong đó doanh thu CVN đạt 9.789,9 triệu đồng

Lợi nhuận sau thuế năm 2022 là (-25.887,5) triệu đồng.

Để đạt được mục tiêu đề ra, công ty đã đưa ra các giải pháp:

- Xây dựng các phương án kinh doanh sản phẩm dịch vụ đảm bảo an toàn trong điều kiện dịch bệnh hiện tại.

- Khai thác tối đa hoạt động hợp tác kinh doanh; tìm kiếm các nhà đầu tư có năng lực tài chính và năng lực kinh doanh hợp tác ngay sau khi Quy hoạch Tổng thể công viên được Thành phố duyệt; hoàn thiện việc gia hạn sử dụng và ổn định đơn giá thuê đất khu vực 1,7ha, nhằm tăng nguồn thu cho công ty theo đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Từng bước triển khai kinh doanh các dịch vụ theo chủ trương phát triển kinh tế địa phương của Thành phố tại địa bàn Quận Tây Hồ như tận dụng lợi thế mặt bằng rộng rãi, vị trí trung tâm để lên kế hoạch kinh doanh online, tận dụng mặt bằng để làm điểm trung chuyển, quảng bá, giới thiệu các sản phẩm nông sản các địa phương, quảng bá các sản phẩm du lịch... để gia tăng các nguồn thu, tạo công ăn việc làm cho người lao động).

- Đẩy mạnh công tác tiếp thị khách hàng tại các tỉnh phụ cận và Hà Nội để thúc đẩy tăng trưởng lượng khách đoàn, tour học sinh đến với Công viên Hồ Tây, đặc biệt tăng cường vào mùa hoạt động Công viên nước để tận dụng sản phẩm thế mạnh của Công ty. Nghiên cứu bổ sung các thiết bị trò chơi, sản phẩm mới phù hợp cho khu công viên MTM.

- Tăng cường công tác khai thác khách tổ chức sự kiện, đặc biệt là sản phẩm “ngày hội gia đình” để phát huy tối đa lợi thế cạnh tranh về vị trí địa lý. Qua đó, có điều kiện gia tăng doanh thu từ trò chơi dưới nước, trò chơi trên cạn, trò chơi trong nhà, ẩm thực và hàng hóa bán lẻ sẽ thu được từ các sự kiện. Đẩy mạnh công tác tiếp thị bán hàng tiệc cưới với lợi thế không gian lãng mạn, chỗ để xe chuyên dụng rộng rãi, giá cả cạnh tranh. Tiếp tục rà soát, củng cố và phát triển các kênh bán hàng tiệc cưới, đặc biệt là mạng lưới các đại lý ngay tại các khu dân cư/tổ dân phố trên địa bàn quận Tây Hồ, Ba Đình.

- Vào các tháng thấp điểm, tận dụng lợi thế về vị trí địa lý của Công viên để thu hút sự kiện của các khách hàng lớn cũng như các Lễ hội do các cơ quan, đơn vị, hiệp hội... trên địa bàn thành phố tổ chức tại Công viên.

- Đối với lĩnh vực du lịch lữ hành: Đẩy mạnh công tác tiếp thị bán hàng các sản phẩm tour du lịch, đặc biệt là tour nội địa. Tiếp tục duy trì các kênh liên lạc với khách hàng, đối tác và các kênh bán hàng để khi điều kiện cho phép là có thể triển khai được ngay các tour Outbound, đặc biệt là các tour với điểm đến là thị trường truyền thống của Công ty trong nhiều năm qua. Tiếp cận một số kênh tiềm năng để khai thác và phát triển nguồn khách tour Inbound. Thường xuyên nghiên cứu xây dựng và cải tiến sản phẩm cho phù hợp với nhu cầu thị hiếu từng đối tượng khách hàng.

- Nghiên cứu và lựa chọn áp dụng các chương trình khuyến mãi hấp dẫn, hiệu quả, có hiệu ứng tốt đối với công tác truyền thông quảng bá thương hiệu.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, quảng bá thương hiệu Công viên Hồ Tây gắn với các sự kiện, sản phẩm trên các kênh thông tin như: các trang web, facebook, VOV giao thông và một số kênh truyền hình trung ương và địa phương lân cận với thời lượng và thời điểm phù hợp, đảm bảo hiệu quả và tiết kiệm chi phí.

- Tiếp tục lựa chọn và áp dụng các hình thức truyền thông mới mang tính thời đại, luôn cập nhật, tiếp cận các xu hướng truyền thông mới hấp dẫn giới trẻ - là đối tượng khách hàng chính của Công viên Hồ Tây.

- Rà soát và hoàn thiện quy trình xử lý khủng hoảng truyền thông tại công ty.

- Tăng cường công tác duy tu, bảo dưỡng MMTB và hạ tầng Công viên nước và Công viên MTM, đảm bảo hệ thống các thiết bị trò chơi thường xuyên được kiểm định chất lượng theo quy định và tuyệt đối an toàn trong quá trình vận hành.

- Nâng cấp hệ thống vệ sinh trong công viên để nâng cao chất lượng dịch vụ.

- Chính trang các cảnh quan của Công viên, tạo thêm nhiều tiểu cảnh đẹp đáp ứng nhu cầu chụp ảnh và thư giãn cho khách hàng. Đảm bảo cho Công viên Hồ Tây luôn có một môi trường xanh, sạch, đẹp.

- Tăng cường độ phủ sóng Wifi rộng khắp công viên, tạo điều kiện cho khách hàng quảng bá hình ảnh thương hiệu qua các trang mạng xã hội khi check-in CVHT.

- Rà soát và hoàn thiện lại công tác quản trị nhân sự và tiền lương theo hướng tinh gọn bộ máy, tránh chồng chéo thừa lao động so với nhu cầu công việc thực tế, đảm bảo mục tiêu cân đối hợp lý giữa chi phí tiền lương và doanh thu của Công ty.

- Nâng cao chất lượng nhân sự, đặc biệt là nhân sự quản lý, đảm bảo phát huy tính chủ động sáng tạo trong công tác chỉ đạo điều hành, luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công việc, tâm huyết với nghề và sát sao với công việc, có kỹ năng phân công hướng dẫn và kiểm tra giám sát cấp dưới.

- Tăng cường công tác đào tạo đội ngũ nhân viên: tác phong nhanh nhẹn, tinh thần, thái độ phục vụ niềm nở, đặc biệt là các kỹ năng mềm trong giao tiếp và phục vụ khách hàng. Thường xuyên quan tâm công tác giám sát hiệu quả sau đào tạo, đặc biệt là ở các bộ phận tác nghiệp.

- Sử dụng tiết kiệm điện, nước, văn phòng phẩm, dụng cụ đồ dùng và các trang thiết bị phụ trợ, tránh lãng phí.

- Sử dụng nhân sự hợp lý và hiệu quả, linh hoạt trong những ngày vắng khách.

- Định kỳ đánh giá, lựa chọn các nhà cung cấp đảm bảo chất lượng và giá cả cạnh tranh, luôn chủ động về nguồn hàng với số lượng, chất lượng và giá cả đáp ứng nhu cầu kinh doanh.

- Thường xuyên kiểm tra, rà soát hàng tồn kho, đảm bảo số lượng tồn hợp lý, có báo cáo kịp thời để đổi trả hàng, tránh tình trạng để hàng hết hạn sử dụng hoặc tồn kho lâu ngày.

- Lập kế hoạch bảo trì bảo dưỡng thường xuyên các trang thiết bị máy móc để giảm thiểu chi phí thay thế khi chưa hết khấu hao.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Là đơn vị kinh doanh hoạt động vui chơi giải trí ngoài trời, chúng tôi đặc biệt quan tâm đến việc đảm bảo không gian trong lành, cảnh quan tươi xanh. Vì vậy, việc xử lý nước thải cũng như rác thải được đặc biệt quan tâm, đó là đầu tư hệ thống xử lý nước thải hiện đại, thân thiện với môi trường.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Trong năm 2021, dịch bệnh Covid-19 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, tuy nhiên phần đông người lao động đều yêu quý và gắn bó với công ty.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Đối với cộng đồng địa phương, Ban lãnh đạo Công ty luôn chú trọng thông các hoạt động khuyến góp, ủng hộ đồng bào lũ lụt, thiên tai,... Các hoạt động này được thực hiện chủ yếu thông qua Công đoàn Công ty và đoàn thanh niên dưới sự chỉ đạo của Ban lãnh đạo Công ty.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.

Năm 2021 tiếp tục là một năm hoạt động kinh doanh hết sức khó khăn do diễn biến phức tạp dịch bệnh Covid. Hội đồng Quản trị đã duy trì đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị thường kỳ theo đúng quy định và nhiều lần xin ý kiến bằng văn bản để kịp thời chỉ đạo, giải quyết các công việc cần thiết đặc biệt là công tác Quy hoạch tổng thể Công viên, gia hạn quyền sử dụng khu đất 1,7ha. Tìm các giải pháp cấp bách kịp thời để tháo gỡ những khó khăn trong hoạt động kinh doanh trong tình hình dịch bệnh Covid, các khu Vui chơi giải trí thường xuyên phải đóng cửa để ổn định nhân sự và ổn định Công ty.

Các thành viên Hội đồng Quản trị luôn làm việc trên tinh thần trách nhiệm, trung thực, tâm huyết, phát huy trình độ, chất xám cao nhất để đưa ra các định hướng cho Ban điều hành Công ty triển khai thực hiện. Hội đồng Quản trị đã hoàn thành nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao phó. Các Thành viên HĐQT tùy từng trình độ chuyên môn và thể mạnh của bản thân đã phân công thay nhau hỗ trợ, hướng dẫn Ban điều Công ty với những lĩnh vực có liên quan.

1.1. Năm 2021, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành công ty hoàn thành bước cuối cùng giai đoạn II của tiến trình lập quy hoạch tổng thể công viên Hồ Tây, đó là trình UBND Thành phố phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết 1/500. Hiện tại, Sở quy hoạch kiến trúc đã thẩm định đồ án và trình Thành phố phê duyệt đồ án.

1.2. Về việc gia hạn quyền sử dụng khu đất 17.677,7 m² Công viên Mặt Trời mới: Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, giám sát, đôn đốc và trợ giúp Ban điều hành công ty trong tiến trình xin gia hạn khu đất này. Sau nhiều nỗ lực, ngày 25/6/2021, UBND Thành phố Hà Nội đã ban hành quyết định số: 2760/QĐ -UBND đồng ý ra hạn đất cho khu vực 17.677,7m² cho Haseco để làm khu vui chơi giải trí. Thời hạn thuê đất được phê duyệt dài hơn những lần ra hạn trước đó chỉ được 20 năm. Lần gia hạn này Công ty được duyệt tới thời hạn năm 2049, khớp nối cùng với thời hạn với Công viên nước.

1.3. Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành tìm nhà đầu tư có năng lực, uy tín và tâm huyết với việc xây dựng công viên Hồ Tây để hợp tác đầu tư, giảm áp lực đối với hoạt động của Công viên nước, gánh lỗ cho công viên Mặt Trời Mới.

Đại dịch bùng phát 2020-2022, hoạt động Công viên bị tê liệt, năm 2021 doanh thu Công viên nước chỉ còn 2 tỷ đồng. Đứng trước tình hình đó, Hội đồng Quản trị yêu cầu Ban điều hành Công ty tận dụng các nguồn thu phát sinh trong kỳ. Công ty báo cáo đã tìm được 2 đối tác để tận dụng các vị trí có thể khai thác tại khu vực tháp lên Đường trượt, hoạt động Công viên nước vẫn tiến hành bình thường tại khu vực này để khai thác từ 2021.

1.4. Hội đồng quản trị định hướng chỉ đạo, đưa ra nhóm các giải pháp vừa chống dịch vừa phát triển kinh doanh, ổn định đời sống người lao động:

- Hạ tầng: Rà soát, tranh thủ dịch bệnh không có khách, chuẩn bị cơ sở vật chất hạ tầng thiết bị cảnh quan công viên tạo đà để công ty nhanh chóng phục hồi, phát triển kinh doanh khi kết thúc dịch bệnh: Công ty đã hoàn tất sửa chữa Nhà hàng Sen Hồng và là địa điểm đông khách tiệc cưới nhất trên địa bàn Tây Hồ, Hà Nội bù đắp một phần Doanh thu cho các mảng hoạt động khác không có khách như Công viên nước, Du lịch.

- Nhân sự: Yêu cầu Công ty tái cấu trúc bộ máy tổ chức, định biên lao động và sắp xếp lại nhân sự Công ty theo hướng tinh gọn, phát huy tối đa hiệu quả và năng suất công việc.

- Chính sách hỗ trợ của Nhà nước: Yêu cầu công ty vận dụng tốt các gói hỗ trợ của Nhà nước dành cho đối tượng lao động trong lĩnh vực dịch vụ vui chơi giải trí, làm tốt công tác này Công ty vừa giảm tối đa chi phí nhưng vẫn lo được một phần cho đời sống người lao động. Theo báo cáo của Công ty công tác này thực hiện khá tốt.

- Kinh doanh: Đôn đốc Công ty tìm kiếm các nhà đầu tư để khai thác lợi thế của khu đất khi Công viên nước không có nguồn thu.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc công ty.

Trong năm 2021 do ảnh hưởng nặng nề vì dịch bệnh Covid, hoạt động kinh doanh của Công ty bị ngừng trệ, Ban điều hành đã hết sức nỗ lực, cố gắng thực hiện theo đúng

các chỉ đạo của HĐQT tại các Nghị quyết HĐQT để khắc phục tình hình hoạt động kinh doanh khó khăn của công ty, ổn định nguồn nhân lực.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

- Hoàn thành Quy hoạch tổng thể Công viên Hồ Tây. Sau khi Quy hoạch được phê duyệt tìm nhà đầu tư có tiềm lực tài chính, tâm huyết với lĩnh vực vui chơi giải trí để hợp tác khai thác khu vực 1,7ha theo đúng quy định của Pháp luật và văn bản hướng dẫn của Cơ quan chức năng.
- Khắc phục cơ bản được tính mùa vụ khai thác hạ tầng Công viên mùa thấp điểm.
- Tái cơ cấu sắp xếp lại Doanh nghiệp và phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực
- Áp dụng công nghệ vào toàn bộ hệ thống quản lý và tác nghiệp của Công ty, quản trị hiện đại: Tới năm 2027 hoàn thiện việc áp dụng công nghệ vào toàn bộ các quá trình tác nghiệp của Công viên.
- Phát triển thị trường, sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, cung cách phục vụ.
- Tăng cường các biện pháp thu hút các nhà đầu tư chiến lược nhằm phát triển bền vững. Xem đây là một kênh khai thác hiệu quả, nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty và các bên tương trợ nhau nâng vị thế thương hiệu Công viên Hồ Tây trên địa bàn Hà Nội.
- Xây dựng thương hiệu Công viên nước là một điểm đến vui chơi an toàn, văn minh và lành mạnh của Thủ đô Hà Nội. Tiếp tục chuẩn hóa, nghiên cứu xây dựng lại logo Công viên Hồ Tây bắt kịp xu hướng xã hội trong tình hình mới.
- Thực hiện tốt công tác quản trị doanh nghiệp, không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐQT trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Tổng doanh thu kế hoạch năm 2022 đạt 34.334,4 trăm đồng, bằng 180,83% so với năm 2021, trong đó doanh thu CVN đạt 9.789,9 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2022 là (-25.887,5) triệu đồng.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch HĐQT Haseco (Đại diện: 2.138.393 cổ phần của Tổng Công ty Du lịch Hà Nội – Công ty TNHH) Tổng giám đốc Tổng CT Du lịch Hà nội – Công ty TNHH
2	Ông Lê Xuân Nam	Phó Chủ tịch HĐQT Haseco

		(Đại diện: 1.800.000 cổ phần của Tập đoàn Bảo Việt) Kế toán trưởng Tổng Công ty Bảo hiểm nhân thọ - Tập đoàn Bảo Việt
3	Ông Nguyễn Đức Thành	Thành viên HĐQT Haseco (Đại diện: 470.500 Cổ phần của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển và xây dựng Thành Đô) Chủ tịch HĐQT - Tổng giám đốc - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thành Đô
4	Ông Nguyễn Xuân Hải	Thành viên HĐQT Haseco (Đại diện: 1.115.684 cổ phần của Tổng Công ty Du lịch Hà Nội- Công ty TNHH) Kế toán trưởng - Tổng CT Du lịch Hà nội – Công ty TNHH
5	Bà Nguyễn Thị Vân	Thành viên HĐQT Haseco (Đại diện: 1.015.923 cổ phần của Tổng công ty du lịch Hà Nội- Công ty TNHH) Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí HN
6	Ông Đoàn Anh Trung	Thành viên HĐQT Haseco (Đại diện: 938.565 cổ phần của Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Sen) Giám đốc Công ty TNHH Thương Mại và DV Sen
7	Ông Phạm Mạnh Tường	Thành viên HĐQT Haseco Phó Trưởng ban Đầu tư - Tập đoàn Bảo Việt

2. Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Đơn vị Công tác
1	Bà Văn Thị Cẩm	Trưởng Ban kiểm soát Haseco
2	Ông Nguyễn Minh Trí	Thành viên BKS Haseco (Đại diện: 525.000 cổ phần của Công ty TNHH Trí Thành) Giám đốc Công ty TNHH Trí Thành
3	Ông Nguyễn Trường Giang	Thành viên BKS Haseco TP Kế toán - Tổng Công ty Bảo hiểm nhân thọ - TĐ Bảo Việt

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

STT	Thành phần	Số tiền (VNĐ)	
		Năm 2021	Năm 2020
1	Hội đồng quản trị	309.600.000	412.800.000
2	Ban kiểm soát	57.600.000	134.400.000
3	Ban Tổng Giám đốc	943.328.803	1.414.465.852

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được kiểm toán bởi công ty TNHH kiểm toán và định giá Việt Nam.

Ý kiến của kiểm toán viên: “ Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.”

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Tại ngày 31/12/2021)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		18 729 011 634	32 078 920 247
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	5 155 850 185	2 932 645 261
1. Tiền	111		1 655 850 185	2 932 645 261
2. Các khoản tương đương tiền	112		3 500 000 000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	2 620 000 000	18 500 000 000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2 620 000 000	18 500 000 000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9 342 007 241	8 955 953 921
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	396 325 918	549 460 115
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	8 212 853 924	7 759 543 403
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	978 341 649	892 464 653

4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(245 514 250)	(245 514 250)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	1 070 706 892	984 645 354
1. Hàng tồn kho	141		1 070 706 892	984 645 354
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		540 447 316	705 675 711
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	246 529 381	115 390 174
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		293 917 935	590 285 537
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		77 172 917 848	77 391 865 256
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		70 555 246 072	72 231 988 799
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	70 501 968 304	71 422 106 143
- Nguyên giá	222		257 161 857 476	248 096 616 180
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(186 659 889 172)	(176 674 510 037)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	53 277 768	809 882 656
- Nguyên giá	228		18 324 833 000	18 324 833 000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(18 271 555 232)	(17 514 950 344)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	-	136 585 454
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	136 585 454
V. Tài sản dài hạn khác	260		6 617 671 776	5 023 291 003
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	6 617 671 776	5 023 291 003
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		95 901 929 482	109 470 785 503
NGUỒN VỐN	.			
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		28 001 989 230	12 508 017 249
I. Nợ ngắn hạn	310		27 345 123 230	11 907 151 249
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	1 176 118 188	1 579 863 924
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	1 327 246 516	589 219 500
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.14	9 375 538 647	63 636 147
4. Phải trả người lao động	314		7 027 500	120 520 000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	12 737 203 919	4 630 289 562
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	1 068 097 531	3 156 647 532
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	1 202 507 815	1 191 291 470
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		451 383 114	575 683 114
II. Nợ dài hạn	330		656 866 000	600 866 000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	656 866 000	600 866 000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		67 899 940 252	96 962 768 254
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	67 899 940 252	96 962 768 254

1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		92 974 500 000	92 974 500 000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		92 974 500 000	92 974 500 000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8 162 250 000	8 162 250 000
5. Cổ phiếu quỹ	415		(28 000 000)	(28 000 000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		5 001 189 026	5 001 189 026
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2 098 251 553	2 098 251 553
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(40 308 250 327)	(11 245 422 325)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(11 245 422 325)	1 858 930 000
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(29 062 828 002)	(13 104 352 325)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		95 901 929 482	109 470 785 503

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	18.987.304.448	53.928.826.902
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01-02]	10		18.987.304.448	53.928.826.902
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	24.175.179.168	39.032.508.645
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10-11]	20		(5.187.874.720)	14.896.318.257
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	524.060.540	1.891.492.516
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	118.540	22.507
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.7	6.718.058.801	11.269.560.559
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	17.807.067.817	18.878.506.558

10	LN thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21-22) - (25+26)]	30		(29.189.059.338)	(13.360.278.851)
11	Thu nhập khác	31	VI.5	126.235.103	322.545.774
12	Chi phí khác	32	VI.6	3.767	66.619.248
13	Lợi nhuận khác [40 = 31-32]	40		126.231.336	255.926.526
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(29.062.828.002)	(13.104.352.325)
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9		-
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			-
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(29.062.828.002)	(13.104.352.325)
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	(3.126,83)	(1.409,88)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		18.994.788.950	60.082.784.136
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(18.343.240.343)	(30.989.301.466)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(9.467.086.494)	(17.240.865.000)
4. Tiền lãi vay đã trả	04			-
5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05			(596.182.115)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.724.984.445	3.532.463.459
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(6.798.996.643)	(25.193.856.917)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(13.889.550.085)	(10.404.957.903)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				

1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(655.170.044)	(9.631.846.370)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(16.155.000.000)	(45.550.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		32.035.000.000	65.950.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		898.120.293	2.786.317.272
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		16.122.950.249	13.554.470.902
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.076.700)	(4.700.519.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.076.700)	(4.700.519.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		2.223.323.464	(1.551.006.001)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.932.645.261	4.483.673.769
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(118.540)	(22.507)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	5.115.850.185	2.932.645.261

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ giải trí Hà Nội (Sau đây gọi tắt là "Công ty"), là Công ty Cổ phần, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 055096 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 11/11/1998. Công ty đã có 07 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 01000844825 thay đổi lần thứ 7 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 19/07/2016 thì vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng). Đến ngày 31/12/2020, Công ty chưa góp đủ Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Upcom với mã chứng khoán là HES.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh dịch vụ vui chơi giải trí, các trò chơi trên mặt đất, dưới nước và trên không;
- Dịch vụ văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao và rèn luyện thân thể;
- Cho thuê địa điểm hội nghị, hội thảo; Dịch vụ ăn uống giải khát; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá;
- Vận chuyển khách du lịch; Kinh doanh du lịch lữ hành;
- Tư vấn đầu tư các loại hình kinh doanh văn hoá thể thao, vui chơi giải trí;
- Dịch vụ massage và vật lý trị liệu.

Trụ sở Công ty tại: Số 614 - Lạc Long Quân - quận Tây Hồ - Hà Nội.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Tình hình dịch Covid-19 trên thế giới cũng như tại Việt Nam vẫn đang diễn biến rất phức tạp, mặc dù đầu năm 2021 đã có một số loại vắc-xin phòng chống Covid-19 được đẩy mạnh sản xuất và đưa vào sử dụng ở nhiều nước, nhưng hiệu quả vẫn chưa cao do xuất hiện nhiều biến chủng mới rất khó lường.

Từ ngày 27/4/2021, dịch bệnh Covid-19 lại bùng phát lần thứ 4 tại Việt Nam với biến chủng Delta đã lan nhanh ra hầu hết các tỉnh/thành phố trên cả nước, tốc độ lây nhiễm và số ca mắc mới ngày càng tăng cao. Nhiều tỉnh, nhiều thành phố đã phải áp dụng giãn cách xã hội theo các Chỉ thị 15/CT-TTg, 16 và 19 của Chính phủ. Theo các Thông báo/Chỉ thị về diễn biến tình hình dịch bệnh Covid-19 tại Hà Nội và các biện pháp phòng chống dịch, Công ty đã phải thông báo đóng cửa công viên kể từ ngày 06/5/2021 cho đến trung tuần tháng 10. Ngày 11/10/2021, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 128/NQ-CP quy định tạm thời về thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh với mục tiêu công tác phòng, chống dịch vẫn là nhiệm vụ trọng tâm nhằm bảo vệ tối đa sức khỏe, tính mạng của nhân dân, đồng thời khôi phục, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh, trật tự an toàn xã hội. Tuy nhiên, từ cuối tháng 10 cho đến hết năm, tình hình dịch bệnh trên địa bàn Thành phố Hà Nội lại có nhiều diễn biến phức tạp, nhiều ngày có số ca mắc mới lên tới 2000-3000 ca mỗi ngày, nên một số lĩnh vực kinh doanh lại tiếp tục bị gián đoạn, đặc biệt là lĩnh vực dịch vụ ăn uống, vui chơi giải trí, v.v...

Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng rất nặng nề từ đợt dịch này và kéo dài cho đến hết năm: Lượng khách đến công viên giảm 91,48% và doanh thu giảm 65,54% so với năm 2020.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. Các chính sách kế toán chủ yếu

1. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tây Hồ tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tây Hồ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tây Hồ tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tây Hồ tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

3. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra do đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán vì bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Tại ngày 31/12/2021, Công ty không có hàng tồn kho cần phải trích lập dự phòng giảm giá.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ

7.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm>
- Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 30
- Máy móc thiết bị	04 - 12
- Phương tiện vận tải	06 - 08
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 07

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

7.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là các chi phí đền bù san lấp, giải phóng mặt bằng, phần mềm kế toán và bài giảng điện tử.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Bài giảng điện tử

Chi phí liên quan đến việc tổ chức đào tạo cho nhân viên mà ở đó toàn bộ kế hoạch hoạt động dạy học đều được chương trình hoá do giáo viên điều khiển thông qua môi trường multimedia do máy vi tính tạo ra. Nguyên giá của bài giảng điện tử là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa bài giảng điện tử vào sử dụng. Bài giảng điện tử được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

Chi phí đền bù san lấp, giải phóng mặt bằng

Nguyên giá chi phí đền bù giải phóng mặt bằng là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng. Chi phí đền bù san lấp, giải phóng mặt bằng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 11 năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí cải tạo, sửa chữa sảnh, mặt tiền, lợp mái tôn chống nóng nhà hàng Sen Hồng thuộc công viên nước Hồ Tây được ghi nhận theo giá gốc tại thời điểm có nghiệm thu quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, chi phí in vé, giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ và các chi phí khác thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn, thời gian sử dụng dài. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

10. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả có thời hạn trả nợ từ 01 năm trở xuống được Công ty ghi nhận là nợ phải trả ngắn hạn. Các khoản nợ phải trả có thời hạn trên 01 năm được Công ty ghi nhận là nợ phải trả dài hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản trích trước các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: tiền nhận trước theo hợp đồng hợp tác kinh doanh khai thác tài sản và các khoản doanh thu nhận tiền trước khác.

Doanh thu chưa thực hiện không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty. Các cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ không được nhận cổ tức, không có quyền bầu cử hay tham gia phân chia tài sản khi Công ty giải thể. Khi chia cổ tức cho các cổ phần, các cổ phiếu quỹ đang do Công ty nắm giữ được coi là cổ phiếu chưa bán. Giá trị cổ phiếu quỹ được phản ánh là giá thực tế mua lại bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu, như chi phí giao dịch, thông tin...

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận cho các thành viên được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ vui chơi giải trí, tổ chức hội nghị, kinh doanh ăn uống, doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê nhà,... và doanh thu từ lãi tiền gửi.

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

15.1. Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 5% đối với hàng đồ chơi, và 10% đối với các dịch vụ vui chơi, ăn uống và các dịch vụ khác.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác

Các loại thuế, phí khác Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền	1.655.850.185	2.932.645.261
Tiền mặt	425.683.436	706.254.818
Tiền gửi ngân hàng	1.230.166.749	2.226.390.443
Các khoản tương đương tiền	3.500.000.000	-
Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP Hồ Chí Minh - CN Hà Nội (*)	3.500.000.000	-
Cộng	5.155.850.185	2.932.645.261

(*) Các Hợp đồng tiền gửi với tổng số tiền 3,5 tỷ đồng, thời hạn 1-3 tháng, lãi suất 3,3%-3,35%/năm, trả lãi cuối kỳ.

2. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Ngân hàng TMCP HDBank - CN Hà Nội (1)	2.500.000.000	2.500.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Long Biên	-	-	5.500.000.000	5.500.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - PGD Văn Cao - CN Tây Hồ (2)	120.000.000	120.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	2.620.000.000	2.620.000.000	18.500.000.000	18.500.000.000

(1) Các Hợp đồng tiền gửi với tổng số tiền 2,5 tỷ đồng, thời hạn 4-5 tháng, lãi suất 3,35%/năm, trả lãi cuối kỳ.

(2) Hợp đồng ký quỹ hoạt động kinh doanh lãi hành quốc tế số 107/2021/-VCB TAH với tổng số tiền 120.000.000 đồng, ký ngày 24/12/2021, thời hạn trả lãi 12 tháng, lãi suất 4.6%/năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***3. Phải thu khách hàng**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a) Ngắn hạn</i>				
Công ty CP Vui chơi Thể hệ mới	-	-	50.882.740	-
Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Sen	16.067.608	-	51.827.586	-
Công ty TNHH Thương Mại và Đầu tư HHA Việt	86.658.843		59.416.624	
Các đối tượng khác	293.599.467	(245.514.250)	387.333.165	(245.514.250)
Cộng	396.325.918	(245.514.250)	549.460.115	(245.514.250)

Đơn vị tính: VND

*b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2***4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Trung tâm Nghiên cứu kiến trúc và Quy hoạch Đô thị, Nông thôn	207.207.900	-
Công ty Cổ phần Brecus	881.991.000	881.991.000
Công ty Cổ phần Giải pháp công nghệ CS - Solution	879.979.500	879.979.500
Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Ngôi Sao Đỏ	168.978.500	237.454.500
Công ty Cổ phần Khoa học công nghệ VDT	168.000.000	168.000.000
Công ty Cổ phần Kiến trúc đầu tư xây dựng Bắc Việt	377.875.100	257.229.100
Công ty TNHH Vạn Phú Kim	4.721.985.840	4.722.039.390
Các đối tượng khác	806.836.084	612.849.913
Cộng	8.212.853.924	7.759.543.403

5. Phải thu khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Ngắn hạn</i>				
Lãi dự thu của các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	35.162.164	-	409.221.917	-
<i>Ngân hàng TMCP HDBank - CN Hà Nội</i>	<i>35.056.301</i>	-	<i>237.368.493</i>	-
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam -CN Hoàng Quốc Việt</i>	<i>105.863</i>	-	<i>1.709.589</i>	-

Đơn vị tính: VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Các khoản phải thu khác	637.430.385	-	175.783.636	-
Công ty TNHH Thương Mại và Đầu tư HHA Việt Nam	302.586.000	-	81.780.000	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Cà phê Cao Nguyên	220.450.403	-	-	-
Các đối tượng khác	114.393.982	-	94.003.636	-
Ký cược, ký quỹ	20.000.000	-	20.000.000	-
Phải thu người lao động	285.749.100	-	287.459.100	-
Cộng	978.341.649	-	892.464.653	-

6. Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán, khó có khả năng thu hồi				
Công ty CP Tư vấn và Đào tạo CONNECT	96.800.000	-	96.800.000	-
Công ty TNHH Du Lịch và Tổ chức sự kiện Sắc Việt	33.259.000	-	33.259.000	-
Công ty Cổ phần HEARTLINK	115.455.250	-	115.455.250	-
Cộng	245.514.250	-	245.514.250	-

7. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	632.174.130	-	670.399.574	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	70.000	-
Thành phẩm	8.805.107	-	13.487.966	-
Hàng hoá	374.525.777	-	300.687.814	-
Hàng gửi đi bán	55.201.878	-	-	-
Cộng	1.070.706.892	-	984.645.354	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

8. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình					Đơn vị tính: VND
Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư ngày 01/01/2021	140.240.551.687	104.941.350.842	2.648.945.454	265.768.197	248.096.616.180
- Đầu tư XDCB hoàn thành	9.065.241.296	-	-	-	9.065.241.296
Số dư ngày 31/12/2021	149.305.792.983	104.941.350.842	2.648.945.454	265.768.197	257.161.857.476
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2021	90.171.200.591	84.085.168.220	2.152.373.029	265.768.197	176.674.510.037
- Khấu hao trong năm	5.703.088.577	4.154.417.838	127.872.720	-	9.985.379.135
Số dư ngày 31/12/2021	95.874.289.168	88.239.586.058	2.280.245.749	265.768.197	186.659.889.172
Giá trị còn lại					
- Tại ngày 01/01/2021	50.069.351.096	20.856.182.622	496.572.425	-	71.422.106.143
- Tại ngày 31/12/2021	53.431.503.815	16.701.764.784	368.699.705	-	70.501.968.304

- Nguyên giá của TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là: 72.775.225.034 đồng (Tại ngày 31/12/2020 là 51.133.404.207 đồng).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***9. Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm tin học, kế toán và đào tạo	Chi phí đền bù san lấp, giải phóng mặt bằng	Đơn vị tính: VND
			Cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình			
Số dư ngày 01/01/2021	2.020.650.000	16.304.183.000	18.324.833.000
Mua trong năm	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2021	2.020.650.000	16.304.183.000	18.324.833.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2021	1.921.705.560	15.593.244.784	17.514.950.344
Khấu hao trong năm	45.666.672	710.938.216	756.604.888
Số dư ngày 31/12/2021	1.967.372.232	16.304.183.000	18.271.555.232
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2021	98.944.440	710.938.216	809.882.656
Tại ngày 31/12/2021	53.277.768	-	53.277.768

10. Chi phí trả trước

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn	246.529.381	115.390.174
Chi phí in vé chờ phân bổ	104.932.291	94.075.331
Chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	141.597.090	21.314.843
b) Dài hạn	6.617.671.776	5.023.291.003
Chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	518.497.860	318.393.603
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	6.099.173.916	4.704.897.400
Cộng	6.864.201.157	5.138.681.177

11. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
Chi phí cải tạo sửa chữa sảnh, mặt tiền và lợp mái tôn chống nóng Nhà hàng Sen Hồng thuộc Công viên nước Hồ Tây	-	136.585.454
Cộng	-	136.585.454

12. Phải trả người bán

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	Đơn vị tính: VND			
a) Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng AEC	195.749.500	195.749.500	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen	-	-	145.880.000	145.880.000
Công ty TNHH HANA ĐẦU tư xây dựng	153.912.623	153.912.623	622.695.823	622.695.823
Trần Thị Lý	6.220.841	6.220.841	112.153.700	112.153.700
Công ty TNHH INOMAT	115.555.475	115.555.475	-	-
Các đối tượng khác	704.679.749	704.679.749	699.134.401	699.134.401
Cộng	1.176.118.188	1.176.118.188	1.579.863.924	1.579.863.924

*b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2***13. Người mua trả tiền trước**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Công ty TNHH Long Minh Ngọc	115.138.000	-
Công ty cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh	764.285.000	-
Nguyễn Thị Kim Anh	-	159.700.000
Lê Thị Nhạn	-	144.463.250
Công ty TNHH Dịch thuật thương mại và Du lịch Tre Việt	63.201.000	63.201.000
Công ty TNHH Du lịch Chào Thế Giới (Hello World Travel)	63.201.250	63.201.250
Các đối tượng khác	321.421.266	158.654.000
Cộng	1.327.246.516	589.219.500

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Khoản mục	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Đơn vị tính: VND
				31/12/2021
<i>Phải nộp</i>				
Thuế GTGT	-	47.687.239	47.687.239	-
Thuế thu nhập cá nhân	16.019.652	82.962.098	96.905.019	2.076.731
Thuế tài nguyên	918.400	10.235.520	10.741.120	412.800
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	9.883.913.952	520.548.274	9.363.365.678
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	46.698.095	35.293.352	72.308.009	9.683.438
Cộng	63.636.147	10.063.092.161	751.189.661	9.375.538.647

15. Chi phí phải trả

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Phải trả chi phí sự kiện/tiệc cưới	1.917.272	191.376.586

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Phải trả chi phí ăn ca cho nhân viên	183.100.000	167.800.000
Phải trả chi phí đồng phục nhân viên	183.100.000	576.470.000
Phải trả chi phí tour nội địa	-	37.196.364
Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản phải trả	11.625.787.651	2.457.704.885
Trích trước chi phí phải trả khác	743.298.996	1.199.741.727
Cộng	12.737.203.919	4.630.289.562

16. Phải trả khác

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.202.507.815	1.191.291.470
Kinh phí công đoàn	124.236.365	103.870.820
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.078.271.450	1.087.420.650
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>1.027.343.950</i>	<i>1.037.420.650</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>50.927.500</i>	<i>50.000.000</i>
b) Dài hạn	656.866.000	600.866.000
Công ty Cổ phần Vui chơi Thể hệ mới	150.000.000	150.000.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ cà phê Cao Nguyên	200.000.000	200.000.000
Công ty CP Tập đoàn FARM FOODS Việt Nam	56.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư HHA Việt Nam	179.916.000	179.916.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn RED23 Việt Nam	70.950.000	70.950.000
Cộng	1.859.373.815	1.792.157.470

17. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ SEN trả trước tiền theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh	426.013.638	2.506.363.636
Công ty TNHH Sản xuất phụ tùng YAMAHA MOTOR Việt Nam	496.583.893	511.874.805
Doanh thu nhận trước khác	145.500.000	138.409.091
Cộng	1.068.097.531	3.156.647.532

b) Doanh thu chưa thực hiện là các bên liên quan: chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

18. Vốn chủ sở hữu

18.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ
Số dư ngày 01/01/2020	92.974.500.000	8.162.250.000	(28.000)
Lỗi trong năm trước	-	-	
Chia cổ tức	-	-	
Phân phối các quỹ	-	-	
Số dư ngày 01/01/2021	92.974.500.000	8.162.250.000	(28.000)
Lỗi trong năm	-	-	
Số dư ngày 31/12/2021	92.974.500.000	8.162.250.000	(28.000)

18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tổng Công ty Du lịch Hà Nội
Tập đoàn Bảo Việt
Công ty TNHH Trí Thành
Công ty CP Đầu tư phát triển và Xây dựng Thành Đô
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen
Vốn góp của các đối tượng khác
Cộng

* Số lượng cổ phiếu quỹ: 2.800 cổ phiếu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (1) VND	Vốn điều lệ đã góp (2) VND	Vốn điều lệ còn phải góp (3)=(1)-(2) VND
Cộng	100.000.000.000	92.974.500.000	7.025.500.000
	<u>100.000.000.000</u>	<u>92.974.500.000</u>	<u>7.025.500.000</u>

18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	92.974.500.000	92.974.500.000
Vốn góp đầu năm	92.974.500.000	92.974.500.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	92.974.500.000	92.974.500.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	4.647.325.000

18.4 Cổ phiếu

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	9.297.450	9.297.450
Cổ phiếu phổ thông	9.297.450	9.297.450
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	2.800	2.800
Cổ phiếu phổ thông	2.800	2.800
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.294.650	9.294.650
Cổ phiếu phổ thông	9.294.650	9.294.650
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

18.5 Các quỹ của doanh nghiệp

Khoản mục	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2021	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2021
Quỹ đầu tư phát triển	5.001.189.026	-	-	5.001.189.026
Quỹ khác thuộc vốn CSH	2.098.251.553	-	-	2.098.251.553
Cộng	<u>7.099.440.579</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>7.099.440.579</u>

(*) Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được hình thành từ lợi nhuận sau thuế và được sử dụng vào việc khen thưởng hoặc các mục đích khác phục vụ công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị.

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	31/12/2021	01/01/2021
USD	300,1	300,1

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND

a) Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

18.987.304.448 53.928.826.902

Cộng

18.987.304.448 53.928.826.902

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND

Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

24.175.179.168 39.032.508.645

Cộng

24.175.179.168 39.032.508.645

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND

Lãi tiền gửi, tiền cho vay

524.060.540 1.891.492.516

Cộng

524.060.540 1.891.492.516

4. Chi phí tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND

Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm

118.540 22.507

Cộng

118.540 22.507

5. Thu nhập khác

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND

Thu tiền hỗ trợ bán hàng

27.272.727 90.909.091

Các khoản thu nhập khác

98.962.376 231.636.683

Cộng

126.235.103 322.545.774

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***6. Chi phí khác**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Các khoản chi phí khác	3.767	66.619.248
Cộng	3.767	66.619.248

7. Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	6.718.058.801	11.269.560.559
Chi phí nhân viên bán hàng	2.949.508.246	4.667.645.570
Chi phí vật liệu bao bì	-	5.000.000
Chi phí dụng cụ đồ dùng	466.271.875	919.437.705
Khấu hao tài sản cố định	1.165.754.609	1.313.138.179
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.429.818.825	2.275.679.990
Chi phí bằng tiền khác	706.705.246	2.088.659.115
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	17.807.067.817	18.878.506.558
Chi phí nhân viên quản lý	3.813.918.305	5.262.476.284
Chi phí vật liệu quản lý	118.563.428	243.292.195
Khấu hao tài sản cố định	964.009.996	942.726.248
Chi phí đồ dùng văn phòng	54.305.671	195.065.728
Thuế, phí, lệ phí	9.932.442.824	7.745.573.613
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.335.753.174	2.450.314.573
Chi phí bằng tiền khác	1.588.074.419	2.039.057.917
Cộng	24.525.126.618	30.148.067.117

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.186.935.850	1.665.845.867
Chi phí nhân công	13.471.979.171	20.045.577.262
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.734.862.659	11.091.505.916
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.693.698.441	31.701.564.685
Chi phí bằng tiền khác	2.612.829.665	4.676.082.032
Cộng	48.700.305.786	69.180.575.762

9. Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường		
Lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	(29.062.828.002)	(13.104.352.325)
Các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	201.600.000	268.800.000
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	(28.861.228.002)	(12.835.552.325)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(29.062.828.002)	(13.104.352.325)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(29.062.828.002)	(13.104.352.325)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.294.650	9.294.650
Các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm	-	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(3.126,83)	(1.409,88)

VII. Những thông tin khác

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Công nợ tài chính

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	5.155.850.185	2.932.645.261
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	67.899.940.252	96.962.768.254
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV.1.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.155.850.185	2.932.645.261
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.129.153.317	1.196.410.518
Các khoản đầu tư tài chính	2.620.000.000	18.500.000.000
Cộng	8.905.003.502	22.629.055.779
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	3.035.492.003	3.372.021.394
Chi phí phải trả	12.737.203.919	4.630.289.562
Cộng	15.772.695.922	8.002.310.956

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
31/12/2021			
Phải trả người bán và phải trả khác	2.378.626.003	656.866.000	3.035.492.003
Chi phí phải trả	12.737.203.919	-	12.737.203.919
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
01/01/2021			
Phải trả người bán và phải trả khác	2.771.155.394	600.866.000	3.372.021.394
Chi phí phải trả	4.630.289.562	-	4.630.289.562

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
31/12/2021			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.155.850.185	-	5.155.850.185
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.129.153.317	-	1.129.153.317
Các khoản đầu tư tài chính	2.620.000.000	-	2.620.000.000
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
01/01/2021			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.932.645.261	-	2.932.645.261
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.196.410.518	-	1.196.410.518
Các khoản đầu tư tài chính	18.500.000.000	-	18.500.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Tổng Công ty Du lịch Hà Nội - Công ty TNHH
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen

Mối quan hệ

Cổ đông
Cổ đông

a) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Bán hàng	11.039.467.731	10.887.144.371
Tổng Công ty Du lịch Hà Nội - Công ty TNHH	328.499.999	215.865.000
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen	10.710.967.732	10.671.279.371
Mua hàng	103.591.820	600.273.628
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen	103.591.820	600.273.628

b) Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Các khoản phải thu	23.467.608	51.827.586
Tổng Công ty Du lịch Hà Nội - Công ty TNHH	7.400.000	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen	16.067.608	51.827.586
Các khoản phải trả	-	145.880.000
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen	-	145.880.000
Doanh thu chưa thực hiện	426.013.638	2.506.363.636
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen	426.013.638	2.506.363.636

c) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thù lao của Hội đồng quản trị	309.600.000	412.800.000
Tiền lương của Ban Tổng giám đốc	943.328.803	1.414.465.852
Cộng	1.252.928.803	1.827.265.852

3. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán


Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

4. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam. ulu

Hà Nội, ngày 09. Tháng 04. năm 2022
Công ty cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội
TỔNG GIÁM ĐỐC 



Nguyễn Thị Vân